

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-ST
Ngày 23-4-2021
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Dân

Ông Võ Tấn Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Huệ Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 167/2020/TLST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2021/QĐXXST-DS ngày 14-01-2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng B; Địa chỉ trụ sở: Số 109 T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lâm Thanh T, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20-6-2017 và văn bản số 1400/2020/QĐ-LienVietPostBank.BL ngày 05-11-2020); địa chỉ liên hệ: Số 56 đường T, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

- Bị đơn: Bà L, sinh năm 1975; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông NLQ1, sinh năm 1951; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (chết ngày 03-02-2021)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ1:

- Bà NLQ2, sinh năm 1952; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)
- Bà NTK1; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc

Trắng. (Vắng mặt)

- Bà NTK2; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)
- Ông NLQ3; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)
- Bà NTK3; địa chỉ nơi cư trú: Ấp Xóm Tro 1, thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)
- Chị NLQ4, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)
- Anh NLQ6, sinh năm 1998; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Bà NLQ2, sinh năm 1952; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Ông NLQ3, sinh năm 1980; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Chị NLQ4, sinh năm 1994; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Anh NLQ5; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Anh NLQ6, sinh năm 1998; địa chỉ nơi cư trú: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng B có người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngân hàng B Chi nhánh Bạc Liêu (sau đây viết tắt là Ngân hàng) có ký Hợp đồng tín dụng số HDTD9202019205 ngày 27-02-2019 với bị đơn bà L cho vay số tiền 158.000.000 đồng, thời hạn vay 11 tháng, mục đích để bổ sung vốn mua bán lúa, kể từ ngày 02-12-2019 bà L đã không trả đúng hạn nên phát sinh nợ quá hạn. Đến ngày 23-4-2021, bà L còn nợ Ngân hàng tổng số tiền 185.906.439 đồng (trong đó nợ gốc 154.999.952 đồng và lãi quá hạn 30.548.066 đồng, lãi trong hạn 358.421 đồng).

Để đảm bảo cho khoản vay trên, ngày 20-01-2017, bị đơn bà L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1, bà NLQ2 ký Hợp đồng thế chấp số 021/2017/HĐTC/CNBacLieu và Hợp đồng thế chấp số 022/2017/HĐTC/CNBacLieu (có đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T) để thế chấp các tài sản:

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 462041, thửa đất số 26, tờ bản đồ số 3, diện tích 52,6m², đất tại Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do UBND huyện T cấp cho ông NLQ1 và bà NLQ2 ngày 09-04-2015;

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BT 509153, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, diện tích 315,5m² đất tại Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do UBND huyện T cấp cho hộ ông NLQ1 và bà NLQ2 ngày 08-04-2014.

Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà L trả số tiền vốn, lãi 185.906.439 đồng và lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đến khi thanh toán dứt nợ cho Ngân hàng; trường hợp bà L không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần khoản nợ thì Ngân hàng được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn bà L trình bày:

Bà thừa nhận số tiền nợ gốc, lãi và tài sản thế chấp như Ngân hàng trình bày, nhưng đề nghị Ngân hàng cho bà thêm thời gian để trả nợ. Nếu hết thời gian trên bà không trả hoặc trả không đủ tiền nợ cho Ngân hàng thì đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 (lúc còn sống) và bà NLQ2 trình bày:

Thửa đất số 26 và thửa đất số 60 tọa lạc đất tại Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng ông, bà đã tặng cho vợ chồng con là L nhưng chưa làm thủ tục sang tên quyền sử dụng đất. Còn căn nhà trên thửa đất 60 là do L xây dựng, lò sấy trên thửa đất số 26 thì vợ chồng ông, bà đã tặng cho L nên L toàn quyền quyết định, ông bà không có yêu cầu hay ý kiến gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan NLQ5 và các ông/bà, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NTK1, NTK2, NTK3 (đồng thời là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1) không nộp (gửi) văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

Tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành các quy định, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 vắng mặt tại phiên tòa chưa chấp hành theo triệu tập của Tòa án và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ vốn, lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng và yêu cầu về tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đã ký kết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông NLQ1 gồm các ông/bà NLQ5, NLQ3, NLQ4, NLQ6, NTK1, NTK2, NTK3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, bà NLQ2 vắng mặt có yêu cầu xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp dân sự về “*hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 14 Điều 4 Luật các tổ chức tín dụng 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (sau đây gọi tắt là Luật Các tổ chức tín dụng); bị đơn trú tại Ấp S, thị trấn H, huyện T nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, xét xử sơ thẩm theo quy định điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Hợp đồng tín dụng số HDTD9202019205 ngày 27-02-2019 được ký kết giữa Ngân hàng với bà L trên cơ sở ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, bị đơn đã nhận đủ tiền vay nhưng vi phạm nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo thỏa thuận, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn cũng đã thừa nhận toàn bộ số tiền nợ như trên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải thanh toán tổng số tiền là 185.906.439 đồng, trong đó nợ vốn gốc là 154.999.952 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23-4-2021 là 30.906.487 đồng (gồm nợ lãi quá hạn 30.548.066 đồng, nợ lãi trong hạn 358.421 đồng) và tiền lãi đến khi thanh toán xong nợ với mức lãi suất theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết là phù hợp ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đúng quy định tại Điều 117, Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn tại Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 01/2019) là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về Hợp đồng thế chấp số 021/2017/HĐTC/CNBacLieu và Hợp đồng thế chấp số 022/2017/HĐTC/CNBacLieu ngày 20-01-2017 ký kết giữa ông NLQ1, bà NLQ2, bà L với Ngân hàng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và được chứng thực tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T. Nội dung thế chấp quyền sử dụng đất thửa số 26 và thửa đất số 60, cùng tọa lạc Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng do ông NLQ1, bà NLQ2 đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các hợp đồng tín dụng của bà L với Ngân hàng. Đối với Quyền sử dụng đất thửa số 26 được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông NLQ1, sau khi ký kết hợp đồng thế chấp với Ngân hàng thì hộ ông NLQ1 còn có ông NLQ3 đã ủy quyền cho ông NLQ1, bà NLQ2 toàn quyền (bút lục số 57-58), nên hai Hợp đồng thế chấp trên có hiệu lực pháp luật theo quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 500, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Qua xem xét, thẩm định tại chỗ thể hiện trên thửa đất số 60 có căn nhà kết cấu khung bê tông cốt thép, tường 10, mái tol xi măng, nền gạch do vợ chồng bị đơn xây dựng năm 2011 hiện do bị đơn cùng con gái NLQ4, con rể NLQ5 và con trai NLQ6 đang ở; trên thửa đất số 26 có lò sấy lúa kết cấu cột xi măng + gỗ, vách lá, mái tol thiết, nền xi măng hiện do bị đơn quản lý, sử dụng (bút lục số 138-139). Ông NLQ1 (khi còn sống), bà NLQ2 trình bày đã tặng cho vợ chồng con là L quyền sử dụng đất thửa đất số 60 và thửa 26, nhà trên thửa đất 60 là do L xây dựng, lò sấy trên thửa đất số 26 thì vợ chồng ông, bà đã tặng cho L nên L toàn quyền quyết định, ông bà không có ý kiến (bút lục 126-127, 130-131). Qua xác minh chồng của bà L là ông U đã chết năm 2015 có cha mẹ ruột là ông NLQ1, bà NLQ2 và có 02 người con là NLQ4, NLQ6 Tòa án đã đưa tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và NLQ4, anh NLQ6 cũng không có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Ông NLQ1 chết ngày 03-02-2021 Tòa án đã đưa người thừa kế tham gia tố tụng nhưng người thừa kế cũng không ai có ý kiến gì gửi đến Tòa án. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng trình bày sẽ cố gắng trả hết nợ cho Ngân hàng, nếu bà không trả được nợ thì đồng ý cho Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Do hiện bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng tín dụng với nguyên đơn nên nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và tài sản gắn liền trên là phù hợp thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng thế chấp và đúng quy định tại Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 325, Điều 327, Điều 615 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

[5] Từ những phân tích như đã nêu trên, có căn cứ để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ bị đơn phải chịu theo Điều 157, Điều 158 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, Điều 280, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 323, Điều 325, Điều 327, Điều 500, Điều 502 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 166, Điều 167 Luật Đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B đối với bị đơn bà L.

1.1 Buộc bà L có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng B tổng số tiền nợ là 185.906.439 đồng, trong đó: Nợ vốn gốc là 154.999.952 đồng, nợ lãi tính đến ngày 23-4-2021 là 30.906.487 đồng (gồm nợ lãi quá hạn 30.548.066 đồng, nợ lãi trong hạn 358.421 đồng) theo Hợp đồng tín dụng số HDTD9202019205 ngày 27-02-2019.

Kể từ ngày 24-4-2021, nếu bà L không thanh toán đủ số tiền trên cho Ngân hàng B thì bà L còn phải trả lãi phát sinh với mức lãi suất quá hạn được thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số HDTD9202019205 ngày 27-02-2019 trên số tiền vốn vay chưa thanh toán; trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2 Trường hợp bà L không trả nợ hoặc chỉ trả được một phần số tiền nợ trên cho Ngân hàng B thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp sau:

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 26, tờ bản đồ số 03, tọa lạc Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT462041 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho ông NLQ1, bà NLQ2 ngày 09-4-2015 và tài sản gắn liền trên đất (lò sấy lúa kết cấu cột xi măng + gỗ, vách lá, mái tol thiết, nền xi măng) theo Hợp đồng thế chấp số 021/2017/HĐTC/CNBacLieu ngày 20-01-2017 ký giữa bà L và ông NLQ1, bà NLQ2 với Ngân hàng B Chi nhánh Bạc Liêu;

- Quyền sử dụng đất thửa đất số 60, tờ bản đồ số 01, tọa lạc Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT509153 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông NLQ1, bà NLQ2 ngày 08-4-2014 và tài sản gắn liền trên đất (căn nhà trước kết cấu khung bê tông cốt thép, tường 10, mái tol xi măng, nền gạch bông, tường rào lưới B40, khung thép và căn nhà sau kết cấu cột gỗ, mái tol xi măng, vách thiết, nền xi măng) theo Hợp đồng thế chấp số 022/2017/HĐTC/CNBacLieu ngày 20-01-2017 ký giữa bà L và ông NLQ1, bà NLQ2 với Ngân hàng B Chi nhánh Bạc Liêu.

2. Về án phí:

2.1 Bà L phải chịu 9.295.300 đồng.

2.2 Hoàn trả Ngân hàng B 4.096.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003331 ngày 04-11-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Bà L phải chịu 600.000 đồng; do Ngân hàng B đã nộp tạm ứng trước nên bà L có nghĩa vụ nộp hoàn trả cho Ngân hàng số tiền trên.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện T;
- Chi Cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Nhẫn